

GIẢI BÀI TẬP SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH LỚP 11

Getting started trang 18 Unit 2 SGK Tiếng Anh 11 mới

Hãy đọc lại đoạn hội thoại rồi tìm những động từ đứng trước những từ cho dưới đây. Viết các từ đó vào ô trống cho sẵn

1. Listen and read (Hãy đọc và lắng nghe)

Mai: (đang nói chuyện trên điện thoại)... Được rồi, tạm biệt bạn. Mai gặp lại nhé.

Bà của Mai: Ai vậy?

Mai: Dạ, một người bạn cùng lớp của cháu bà ạ.

Bà của Mai: Là Nam gọi lại cho cháu đúng không?

Mai: Dạ. Cậu ấy gọi để hỏi về bài tập ngữ pháp ạ.

Bà của Mai: Cháu không nên lúc nào cũng nói chuyện với cậu ấy. Bà không muốn quá nghiêm khắc với cháu nhưng ... bà nghĩ cháu còn quá trẻ không nên bắt đầu quan hệ với bạn trai.

Mai: Bà, chúng cháu chỉ là bạn thôi mà, cậu ấy không phải bồ cháu đâu.

Bà của Mai: ừ, bà chỉ sợ không có tình bạn thuần túy giữa con trai và con gái. Cháu cũng biết đấy, bà lo là sớm muộn gì cháu cũng để tâm vào mối quan hệ tình cảm lãng mạn Mai ạ.

Mai: Bà đừng lo bà ạ. Nam và những người bạn khác của cháu đều là học sinh giỏi. Chúng cháu chỉ nói về việc học và những điều đại loại như vậy thôi.

Bà của Mai: Bà không biết tại sao ngày nay người ta lại cho phép con trai và con gái học chung một trường. Vào tuổi cháu bà học ở trường dành riêng cho một giới thôi.

Mai: Thế bà không thấy chán à?

Bà của Mai: Dĩ nhiên là không rồi. Các bà hồi ấy như một gia đình lớn vậy. Bà cũng có những người bạn thân.

Mai: Ở trường cháu cũng thế. Ở lớp cháu tất cả chúng cháu đều là những người bạn tốt của nhau, thường hay giúp đỡ nhau. Tất cả các bạn cùng lớp cháu đều rất tốt, biết quan tâm và thông cảm với nhau.

Bà của Mai: Vậy thì tốt. Nhưng Mai nghe này, bà hy vọng cháu chỉ là bạn với các bạn trai thôi nhé. Việc của cháu là phải tập trung vào học hành.

Mai: Dạ cháu biết rồi bà ạ.

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

2. Decide whether the following statements are true (T), false or not given (NG). Tick (S) the correct box. (Hãy xem những câu dưới đây đúng (T), sai (F), hay không có thông tin (NG). Đánh dấu (S) vào ô đúng.)

	T	F	NG
1. Nam is Mai's classmate.	✓		
2. Mai and Nam are in a romantic relationship.		✓	
3. Mai's grandmother thinks boys and girls can't be real friends.	✓		
4. Mai's grandmother didn't have opposite-sex classmates.	✓		
5. Mai's grandmother is not pleased because Mai does not study hard enough.			✓
6. Mai's classmates are helpful and sympathetic.	✓		

3. Read the conversation again, and find the verbs that come before the words below.

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

Write them in the space provided. (Hãy đọc lại đoạn hội thoại rồi tìm những động từ đúng trước những từ cho dưới đây. Viết các từ đó vào ô trống cho sẵn)

1. get 2. feel 3. an 4. sounds

Language trang 20 Unit 2 SGK Tiếng Anh 11 mới

Hoàn thành câu bằng động từ cho trong khung. Thay đổi dạng thức của động từ nếu cần thiết.

VOCABULARY

1. Write the words or phrases given in the box next to their meanings. (Hãy viết từ hoặc cụm từ cho sẵn trong khung bên cạnh nghĩa của chúng.)

romantic relationship: mối quan hệ tình cảm lãng mạn

be in a relationship: đang có quan hệ tình cảm (với ai)

break up with someone: chia tay (kết thúc mối quan hệ) với ai

be reconciled /bi 'rekansaid/ with sb: làm hòa (với ai)

lend an ear /lend an ia(r) / to sb: lắng nghe

sympathetic (adj) /,simpa'9etik/: (có thái độ) thông cảm (với người khác)

argument (n) /'a:(r)gjumant/ have got a date (with someone): cuộc cãi nhau, tranh cãi

have got a date (with someone): hẹn hò (với ai)

* Đáp án

1. have got a date

2. break up

3. romantic relationship

4. argument

5. sympathetic

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

6. lend an ear

7. be in a relationship

8. be reconciled

2. Complete the sentences with the words or phrases in 1. (Hãy hoàn thành những câu sau bằng những từ/cụm từ ở bài tập 1.)

* Đáp án

1. lend an ear - broke up

2. reconciled

3. romantic relationship

4. in a relationship - arguments

5. have got a date

6. sympathetic

PRONUNCIATION

◆ **Hình thức viết rút gọn của danh từ, đại từ + động từ (not)**

- Dạng thức rút gọn 's (= is / has) có thể được dùng sau danh từ, đại từ, từ để hỏi (wh words), here và there. Ví dụ: He is = He's
- Dạng thức rút gọn 'd (= had / would), 'll (= will) và 're (= are) thường được dùng sau các đại từ, một số từ để hỏi (wh words), danh từ ngắn và there.

Ví dụ: I will = I'll, There are = There're...

- Dạng viết đầy đủ được dùng ở cuối mệnh đề (ví dụ: Yes, he is.) hoặc khi người nói muốn nhấn mạnh thông tin, do vậy trọng âm rơi vào dạng viết đầy đủ.

Ví dụ: He has done it, not will do it.

- Trường hợp động từ + not: Có hai khả năng viết rút gọn cho cách diễn đạt phủ định.

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

Ví dụ: She's not... / She isn't

- Dạng rút gọn cho câu phủ định có thể được dùng ở cuối mệnh đề.

Ví dụ: No, they haven't.

1. Find the contracted forms in the conversation and write their full form in the space below. (Hãy tìm dạng viết rút gọn trong đoạn hội thoại và viết dạng đầy đủ vào khoảng trống cho sẵn.)

- Đáp án

shouldn't = should not

you're = you are

we're = we are

It's = It is

there's = there is

don't = do not

he's = he is

you'll = you will

Didn't = Did not I'm = I am

2. Listen and underline what you hear - the contraction or the full form. (Hãy nghe và gạch dưới từ mà em nghe được - dạng rút gọn hay dạng đầy đủ.)

* Đáp án

1. I will - I'll

2. I am

3. He is - he's

2. we are - didn't

5. I've - That's

3. Listen and repeat the exchanges in 2. (Nghe và lặp lại những lời hỏi đáp ở bài tập 2.)

* Lời ghi âm

1. A: Why won't you help me with my homework?

B: I will. I'll be with you in a minute.

2. A: You must be pleased with your test results.

B: Yes, I am

3. A: I thought he was in Ha Noi today.

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

B: He is in Ha Noi. That's where he's calling from.

4. A: Here we are. This is my place.

B: I didn't know it'd take two hours to get to your house.

5. A: I've been to Hawaii several times.

B: Really? That's an interesting place to visit, I suppose.

GRAMMAR

◆ Linking verbs (Động từ nối)

* Động từ nối không diễn đạt hành động. Thay vào đó nó nối chủ ngữ của động từ với tính từ hoặc danh từ mô tả hay xác định chủ ngữ. Sau động từ nối chúng ta dùng tính từ hoặc danh từ.

* Những động từ nối thường gặp: be (là), become, grow, get (trở nên, trở thành), seem, appear (có vẻ như), remain, stay (vẫn còn là), look, sound (có vẻ như), smell (tỏa mùi, hốc mùi), taste (có vị), feel (cảm thấy)...

Ví dụ: She said she would become a famous singer someday.

After the quarrel, they remained friends.

The soup tastes delicious.

1. Choose the verbs in the box to complete the sentences. Make changes to the verb forms if necessary. (Hoàn thành câu bằng động từ cho trong khung. Thay đổi dạng thức của động từ nếu cần thiết.)

* Đáp án

1. sounds

2. grow /get

3. stay

4. getting

5. seem

6. look / seem

2. Underline the correct word to complete the sentences. (Gạch dưới từ đúng để hoàn thành câu.)

1. unhappy

5. angry

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

4. It's your parents that / who you should really speak to when you have problems.
5. It's his dishonesty that I dislike the most.
6. It's Jim that / who Lana is in a relationship with.
7. It was at the age of 20 that he became successful as a famous writer.
8. It was in a nice coffee shop that they had their first date.

2. Write the answers to these questions. Use the words or phrases in brack as the focus. (Viết câu trả lời cho những câu hỏi dưới đây, sử dụng từ / cụm từ cho trong ngoặc đơn dưới hình thức nhấn mạnh.)

- Đáp án
1. No. It was a smart phone that he gave me for my birthday.
 2. No. It's in Tokyo that I'm going to spend the holiday with my family.
 3. No. It's a lawyer that I want to become.
 4. No. It's his brother that / who earns 10.000 dollars a month.
 5. No. It's Ha that / who is in love with Phong.
 6. No. It's my friend that / who can speak three languages fluently.
 7. No. It's at 8 a.m (tomorrow) that we have a meeting.

Skills trang 22 Unit 2 SGK Tiếng Anh 11 mới

Chọn một trong số những câu chuyện dưới đây, sử dụng ý tưởng đã cho để viết một bài đăng lên mạng khoảng 160-180 từ.

READING

1. Discuss with a partner. (Thảo luận với bạn bên cạnh.)

- Câu trả lời gợi ý
- Picture a The teacher is returning students' papers. The boy is depressed because of his poor grades.
 - Picture b Their relationship is breaking up.

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

- Picture c They're having an argument.

2. An advice column in a newspaper offers help to readers when they are in trouble. Read the column and match the readers' names with their problems. (Mục lời khuyên trên một tờ báo sẽ giúp độc giả nào đang gặp rắc rối. Em hãy đọc rồi ghép tên của độc giả với những rắc rối của họ.)

1.b (Van Ha: My friend betrayed my trust.)

2. c (Quang Nam: I don't have friends.)

3. Find the words or expressions in the text that have the following meanings and write them in the space below. (Tìm từ / cụm từ trong đoạn văn có nghĩa dưới đây rồi viết những từ đó vào khoảng trống bên dưới.)

* Đáp án

1. be on good terms with someone
2. take the initiative
3. trust
4. engage in (a conversation)
5. drop out (of school)

4. Read the newspaper column again and answer the questions. (Hãy đọc lại bài báo rồi trả lời câu hỏi.)

* Đáp án

1. They are close friends.
2. Ha told Hoa about her depression and her intention to drop out of school.
3. Because Hoa promised to keep Ha's story secret, but then she told the teacher about it.
4. No. She tries to explain why Hoa told the teacher about Hoa's problem, and advises Ha to talk to Hoa again.
5. He thinks he is short and fat, and girls don't find him attractive.
6. Because Nam does not have a good relationship with the girls in his class.
7. The counsellor advises Nam to focus on his studies, become an excellent student and learn how to start a friendly conversation with his classmates.

5. If you were the counsellor in charge of the advice column, what would you advise Ha and Nani to do? Discuss with a partner. (Nếu em là tư vấn viên chuyên mục cho lời khuyên em sẽ khuyên Hà và Nam làm gì? Thảo luận với bạn bên cạnh).

Câu trả lời tùy thuộc học sinh

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

* Bài dịch

1. Văn Hà a. Bạn tôi muốn bỏ học.
2. Quang Nam b. Bạn tôi đã phản bội lại lòng tin của tôi.
c. Tôi không có bạn

Câu hỏi: Hoa là người bạn duy nhất của tôi ở trường. Cô ấy cũng là người duy nhất mà tôi hoàn toàn tin tưởng. Cách đây hai tuần tôi đã nói với cô ấy rằng tôi thấy bất hạnh và cô đơn và thậm chí là tôi muốn bỏ học. Cô ấy đã hứa sẽ không nói cho ai biết... nhưng sau đó cô ấy đã nói cho cô giáo tôi biết. Chúng tôi đã cãi nhau và tôi đã thôi không nói chuyện với cô ấy nữa. Tôi đã sai ư?

(Văn Hà)

Tư vấn viên: Bạn Hà thân mến. Tôi rất hiểu cảm giác của bạn. Nhưng mình lại nghĩ về điều đó theo cách này: có thể Hoa đã thật sự sợ bạn sẽ bỏ học. Cô ấy đã không biết làm gì để giúp bạn. Mình chắc chắn rằng cô ấy chỉ giúp bạn theo cách của cô ấy thôi, thậm chí đó là cách mà bạn không muốn. Bạn hãy cố gắng hòa với Hoa và nói cho cô ấy biết về điều đó. Mình nghĩ các bạn sẽ lại là những người bạn tốt của nhau.

Câu hỏi : Ở lớp tôi con gái rất hòa đồng với con trai trừ tôi ra. Các bạn gái thậm chí không thèm để ý đến tôi và các bạn trai thì chế giễu tôi về điều này. Tôi nghĩ rằng chắc tại tôi mập và thấp còn các bạn gái thấy tôi không có chút hấp dẫn nào. Tôi cảm thấy cô đơn. Hãy giúp tôi với.

(Quang Nam)

Tư vấn viên: Ô, bạn đừng lo lắng quá nhiều. Người nào cũng có những phẩm chất làm cho họ hấp dẫn trong mắt người khác. Giá trị thật của một người không nằm ở vẻ bề ngoài mà chính là ở những gì người đó đạt được và những đóng góp cho cộng đồng. Mình nghĩ rằng ngoại hình của bạn không làm cho các bạn gái tránh xa bạn. Nếu bạn học chăm chỉ và trở thành học sinh xuất sắc, có thể các bạn gái sẽ chú ý đến bạn. Lúc đó bạn hãy thử xây dựng tình bạn. Bạn hãy là người khởi xướng và lôi cuốn các bạn vào những cuộc trò chuyện thân mật. Hãy hỏi họ những câu hỏi để tìm xem họ thích nói chuyện về điều gì chẳng hạn như bài hát, phim ảnh hoặc điều gì đó khác rồi sau đó thảo luận xoay quanh chủ đề đó. Mình hy vọng điều này sẽ giúp bạn.

SPEAKING

1. Choose sentences a-f to complete the conversation between two classmates. (Hãy chọn các câu từ a đến f để hoàn thành hội thoại giữa hai bạn cùng lớp.)

* Đáp án

- | | | |
|------|------|------|
| 1. b | 2. e | 3. d |
| 4. a | 5. f | 6. C |

2. Answer the questions. (Trả lời câu hỏi)

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

1. She was chosen to take part in the English Public Speaking Contest in Da Nang, but her parents don't allow her to go there. They are worried because she has never been away from home.

2. Van advises Chi to ask their teacher to persuade Chi's parents.

3. Practise the conversation with a partner. (Em hãy thực hành đoạn hội thoại với bạn bên cạnh.)

4. Choose one topic. Use the ideas below to make a similar conversation. (Hãy chọn một chủ đề, sử dụng ý tưởng bên dưới để làm một hội thoại tương tự)

cheat (v) /'tʃi:t/: gian lận (trong thi cử)

revise (v) /ri'vaiz/ (old lessons): ôn bài cũ

tutor (n) /'tju:ta(r)/: gia sư, người trợ giảng

make fun of sb / sth: chế giễu, chế nhạo

* Câu trả lời tùy thuộc học sinh

5. Work with a partner. Talk about a problem that you have had at school or at home. (Làm việc với bạn bên cạnh, nói về một vấn đề ở trường hay ở nhà mà em đã gặp phải.)

1. What was the problem?

2. How did you deal with it?

3. Who did you ask for help?

4. What advice did they give you?

* Câu trả lời tùy thuộc học sinh.

LISTENING

1. If you have a boyfriend or a girlfriend, will you tell your parents about it? Why or why not? (Nếu em có bạn trai hoặc bạn gái em có nói cho bố mẹ em biết không? Tại sao?)

* Câu trả lời tùy thuộc học sinh.

2. Listen to the talk show with host Vicky Holmes and guest speaker Dr Dawson. Choose the best answer to complete each statement. (Hãy lắng nghe cuộc nói chuyện trực tuyến do Vicky Holmes chủ tọa và vị khách mời Tiến sĩ Dawson. Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi lời phát biểu dưới đây)

* Đáp án

1. c

2. B

3. c

4. A

3. Listen again. Answer the questions. (Nghe lại lần nữa rồi trả lời câu hỏi)

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

1. The talk show is about how teenagers and their parents deal with problems.
2. The need to learn to form safe and healthy relationships with other people (friends, parents, teachers and romantic partners).
3. Parents should offer a shoulder for their children to cry on and listen to them.
4. Because their strong opposition will make their children stop talking about their feelings.

4. In your opinion, what is the "right" age for a romantic relationship? Discuss with a partner. (Theo em tuổi nào là "đúng" tuổi để có mối quan hệ tình cảm lãng mạn? Hãy thảo luận với bạn ngồi cạnh em.)

A person should start a romantic relationship when he / she is at an age or stage in life when he / she is mature enough, and is ready for a possible marriage. For this reason, the "right" age can be different from person to person.

*** Lời trong băng**

Vicky: Welcome to our talk show with guest speaker Dr Dawson, a psychologist.

who will be talking about how teenagers and their parents deal with problems.

Dr Dawson, most are worried about their children getting involved in romantic relationships. What's your opinion on this?

Dr Dawson: From 15 to 19 years of age, many teenagers spend a lot of time thinking or talking about being in a relationship.

Vicky: So do you mean this is part of the teen normal growth and development?

Dr Dawson: Yes. young people learn how to form safe and healthy relationships with friends, parents, teachers and romantic partners. This can prepare them for adult life. So parents should not oppose their relationships.

Vicky: I suppose many parents will feel surprised to hear this. What's your advice for the teenagers then?

Dr Dawson: Well, they should not be afraid to talk to their parents about their feelings and friendships. This can help them feel confident to discuss their relationships in the future.

Vicky: So you mean teenagers should listen to their parents and ask them to listen to what they are saying?

Dr Dawson: Exactly. Most parents are always willing to lend an ear to what their children are saying. This is even more important when young people suffer break-ups or broken hearts. They need a shoulder to cry on and a sympathetic ear.

WRITING

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

1. Read an online posting on Teen Forum and fill the gaps. Use the words in the box. (Hãy đọc bài đăng trực tuyến trong Diễn đàn tuổi Teen, sử dụng từ cho sẵn trong khung để điền vào chỗ trống.)

1. upset 2. shocked 3. influence
2. different 5. talented 6. appearances

2. Put the following parts of the online posting in the correct order. (Hãy sắp xếp những phần trong bài theo thứ tự đúng.)

1. g 2. c 3. f 4. d 5. e 6. a 7. b

3. Choose one of the stories below. Use the ideas to write an online posting of 160-18 words. (Chọn một trong số những câu chuyện dưới đây, sử dụng ý tưởng đã cho để viết một bài đăng lên mạng khoảng 160-180 từ.)

*Bài viết tùy thuộc học sinh

4. Think of something that happened to you or to another person. Write an online posting of 160-180 words. (Nghĩ về một chuyện nào đó đã xảy ra với em hoặc với người khác rồi viết một bài đăng lên mạng khoảng 160-180 từ.)

* Nội dung gợi ý

- what happened, when and where, and who was involved
- how you and the other people felt
- your wish

Communication and culture trang 26 Unit 2 SGK Tiếng Anh 11 mới

Hãy nghe kiến của Hùng về những người bạn quen trên mạng, rồi trả lời câu hỏi

COMMUNICATION

1. Listen to Hung's opinions about online friends. Answer the questions. (Hãy nghe kiến của Hùng về những người bạn quen trên mạng, rồi trả lời câu hỏi)

* Đáp án

1. Hung can have more knowledge of different cultures and lifestyles because his online friends come from different places around the world.
2. He can contact his friends whenever he wants as long as they are online.
3. Because he doesn't have to spend money on dinners, parties, or cinema tickets.
4. The most important benefit of having online friends is that he can end a relationship quickly.

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

5. Sometimes he doesn't know for sure who these friends really are, as they may not use their real names.

2. Discuss the following questions in groups. (Thảo luận những câu hỏi dưới đây theo nhóm.)

Câu trả lời tùy thuộc ý kiến học sinh

* Lời trong băng

Well, there are many advantages of having online friends. First, they can be anywhere in the world, so I can learn about different cultures and lifestyles. Distance does not matter, as all I need is a computer. Second, I can contact them whenever I wish - as long as they are online, and I can the conversation easily when I have other things to do. What's more. I can save a lot of money as there'll be no dinners, parties or get-togethers. I don't have to spend money on things like food and drinks or cinema tickets. Most importantly, I can quickly end a relationship when I don't feel comfortable with the person any more.

CULTURE

1. Read the text about dating around the world, and complete the information in the table below the correct pictures on page 23. (Đọc đoạn văn nói về việc hẹn hò trên thế giới rồi tìm thông tin cần thiết vào bảng ứng với những bức tranh đúng ở trang 23.)

	Picture a	Picture b	Picture c
Kinds of dating	online dating	speed dating	group dating
Where	US	Singapore	Europe and Australia

2. Read the text on page 22 again. Decide whether the following statements are true (T), false (F), or not given (NG). Tick (v) the correct boxes. (Đọc lại đoạn văn ở trang 22 rồi trả lời xem những lời phát biểu dưới đây là đúng (T), sai (F), hay không có thông tin (NG), sau đó đánh dấu (v) vào ô đúng.)

		T	F	NG
1.	Group dating helps people feel more at ease.	V		

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

2	Australian people don't like one-to-one dating.		V	
J.	The Singaporean government encourages young people to take part in dating events.	V		
4.	One-to-one dating is not popular in Singapore.			V
5.	Online dating is popular in the United States because it does not cost too much money.			V
6.	People using the "online dating assistant" service need to communicate by email before meeting face to face.		V	

3. Discuss with a partner. (Thảo luận với bạn bên cạnh.)

Are group dating, speed dating and online dating popular in Viet Nam? Why or why not?

* Câu trả lời tùy thuộc học sinh

Việc hẹn hò trên thế giới

Có mối quan hệ tình cảm với một người nào đó là rất quan trọng với mọi người trên khắp thế giới. Tuy nhiên việc hẹn hò giữa nền văn hóa này với nền văn hóa khác cũng khác nhau. Dưới đây là một số ví dụ.

Hẹn hò theo nhóm là phổ biến trong giới trẻ ở châu Âu và nước Úc. Những nhóm người lên đến 30 người cùng nhau tham gia vào những sự kiện như đi cắm trại, hoặc dự tiệc. Điều này được xem là một cách an toàn khi ở bên nhau, giúp giảm nhẹ sự căng thẳng vì mọi người cảm thấy thoải mái hơn khi ở giữa bạn bè trước khi quyết định đi đến một cuộc hẹn một đôi một.

Ở Singapore, vì nhiều bạn trẻ còn độc thân nên chính phủ đã luôn cố gắng hết sức động viên họ tham gia vào các cuộc hẹn hò. Những dịch vụ hẹn hò đã xuất hiện tư vấn cho những người độc thân. Một trong những kiểu hẹn hò này là hẹn hò tốc độ (chóng vánh) mà ở đó những người độc thân chỉ dành vài phút nói chuyện với một người trước khi đi gặp người kế tiếp.

Việc hẹn hò trên mạng là cách ghép đôi thường gặp ở Mỹ. Những công ty môi giới hẹn hò trên mạng ngày nay đã đưa ra loại dịch vụ gọi là "trợ lý hẹn hò trên mạng" nhằm giúp

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

những người bạn rộng tìm bạn tình. Người trợ lý giúp khách hàng của mình lập ra lý lịch trích ngang, chọn lựa người ghép đôi có triển vọng rồi sau đó gửi vài lá thư điện tử đến người người có khả năng phù hợp cho đến khi cả hai người đồng ý đến gặp trực tiếp.

Looking Back trang 28 Unit 2 SGK Tiếng Anh 11 mới

Hoàn thành các câu sau bằng dạng đúng của từ / cụm từ cho trong khung

PRONUNCIATION

1. Underline the words which could be contracted in these exchanges.

(Gạch dưới những từ có thể viết tắt trong những lời hội thoại này.)

* Đáp án

1. A: she is = she's

2. A: I am = I'm

B: You have = You've

3. It would = It'd

B: can not = can't, he is = he is

4. A: It is = It's, will not = won't

B: do not = don't

2. Listen to check your answers. (Nghe để kiểm tra lại câu trả lời của em)

1.

A: My teacher will phone to say if she's coming to the party.

B: I hope she is.

2.

A: I'm not sure if I'll pass the exam.

B: But I am. You've worked so hard.

3.

A: It'd be better for him to talk to his parents about his problems.

B: He can't because he's living with his grandpa.

4.

A: It's difficult to read your handwriting. Our teacher won't accept your paper.

B; I hope she does. I don't have time to type it.

VOCABULARY

1. Complete the sentences with the correct forms of the words or phrases in the box. (Hoàn thành các câu sau bằng dạng đúng của từ/ cụm từ cho trong khung.)

Đáp án

1. dating
2. lend an ear
3. romantic relationships
4. meet face to face
5. broke up
6. be in a relationship

GRAMMAR

1. Put the words in the correct order to make questions. (Sắp xếp các từ sau thứ tự đúng để tạo thành câu hỏi.)

* Đáp án

1. How did Peter feel when his girlfriend broke up with him?
2. will I look if I cut my hair short?
3. How did you feel when you lost the game?
4. How did Martin's voice sound in the live show on TV last night?
5. How does your soup taste?
6. How would you feel if you had no friends?

2. Write the answers to the questions in 1, using the suggested words. (Dùng từ gợi ý để trả lời những câu hỏi ở bài tập 1.)

* Đáp án

1. He felt depressed.
2. You'll look attractive.
3. I felt disappointed.
4. His voice sounded awful.
5. It tastes great.
6. I'd feel lonely.

3. Join the two parts to make cleft sentences. (Nối hai phần câu để tạo thành câu nhấn mạnh.)

* Đáp án

1. f It was me that started arguing with Jim.
2. d It's travelling around the world that has helped me to learn about other cultures.

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

3. a It's on Friday that Sue usually visits her grandmother.
4. g It's his attitude towards others that really upsets me.
5. b It's John that is always telling lies.
- 6.c It was my old friend that I got the news from.
7. e It was in Paris that I started my first romantic relationship.

Project trang 29 Unit 2 SGK Tiếng Anh 11 mới

Nhóm em sắp tham gia cuộc thi kể chuyện do trường em tổ chức. Mỗi một thành viên trong nhóm kể một câu chuyện về tình bạn, hoặc mối quan hệ thầy-trò. Hãy suy nghĩ về những câu hỏi gợi ý dưới đây.

1. Your group is going to take part in a storytelling contest organised by your school. Each group member tells a story about friendship or teacher-student relationships. Think about the following questions. (Nhóm em sắp tham gia cuộc thi kể chuyện do trường em tổ chức. Mỗi một thành viên trong nhóm kể một câu chuyện về tình bạn, hoặc mối quan hệ thầy-trò. Hãy suy nghĩ về những câu hỏi gợi ý dưới đây.)

- When and where did it happen?
- What happened to the people in the story?
- What do you like most about the story, or what lessons can you learn from the story?

2. Your group chooses the best story which meets the following criteria. (Nhóm em chọn ra câu chuyện hay nhất mà thỏa mãn được những tiêu chí dưới đây.)

- Content: interesting and relevant to the topic; convey a moral message.

(Nội dung: hay và phù hợp với chủ đề, chuyển tải được thông điệp đạo đức.)

- Use of expressive voice, facial expression and gestures, mime, pace, rhythm, eye contact and engagement with the audience.

(Có giọng kể diễn cảm, diễn tả nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, nhịp điệu, ánh mắt và sự lôi cuốn người nghe.)

Trung Tâm Gia Sư Tài Năng Việt

<https://giasudaykem.com.vn/tai-lieu-mon-tieng-anh-lop-11.html>

<https://giasudaykem.com.vn/gia-su-day-kem-mon-tieng-anh.html>